



## CURRENT SITUATION OF FOREST MANAGEMENT AND PROPOSED SOLUTIONS FOR SUSTAINABLE FOREST MANAGEMENT IN SON DUONG DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE

Tran Thi Ngoc Ha<sup>1\*</sup>, Vi Thuy Linh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Thai Nguyen University of Sciences, Vietnam

\*Email address: [hattn@tnus.edu.vn](mailto:hattn@tnus.edu.vn)

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/570>

---

### Article info

Received: 26/5/2021

Accepted: 05/7/2021

---

### Keywords:

Forest; Son Duong;  
Tuyen Quang; Solution;  
Sustainable forest  
management.

---

### Abstract:

The article focuses on the current state of forest management in Son Duong district, Tuyen Quang province. Research methods include collecting and synthesizing data, actual surveys, and statistics. Results showed that the forest area of the district tends to increase in recent years (forest coverage rate increased from 48, 95% (2017) to 51,5% (2019)), however, only focus on planted forests (increase more than 2 thousand hectares). Area of natural forest tends to decrease slightly (nearly 1 hectare), the forest area is subdivided for management (Of which more than 55% of the forest and forestry land areas are managed by the Commune People's Committee, 19, 24% are managed by households and individuals, 14,09% are managed by the Special-use Forest Management Board, the rest are managed by economic organizations and others). The study also points out the limitations in the local forest management (such as large management area, lack of human resources for management, lack of facilities...), thereby giving a system of solutions for sustainable forest management.



## HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỪNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Trần Thị Ngọc Hà<sup>1,\*</sup>, Vi Thùy Linh<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

\*Địa chỉ email: [hattm@tnus.edu.vn](mailto:hattm@tnus.edu.vn)

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/570>

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài: 26/5/2021

Ngày duyệt đăng: 05/7/2021

### Từ khóa:

Rừng; Sơn Dương; Tuyên Quang; giải pháp; quản lý rừng bền vững.

### Tóm tắt

Bài báo tập trung nghiên cứu hiện trạng công tác quản lý rừng trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm: thu thập tổng hợp số liệu, điều tra, khảo sát thực tế, thống kê. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong thời gian qua, diện tích rừng trên địa bàn huyện có xu hướng tăng lên (tỷ lệ che phủ tăng từ 48,95% năm 2017 lên 51,5% năm 2019), tuy nhiên chỉ tập trung vào rừng trồng (tăng hơn 2 nghìn ha), còn rừng tự nhiên có xu hướng giảm nhẹ (gần 1 ha). Diện tích rừng được chia nhỏ để quản lý (trong đó hơn 55% diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân các xã quản lý, 19,24% do các hộ gia đình – cá nhân quản lý, 14,09% do Ban quản lý rừng đặc dụng quản lý, còn lại do các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác quản lý). Nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế trong công tác quản lý rừng của địa phương (như: địa bàn quản lý rộng, thiếu nguồn nhân lực quản lý, cơ sở vật chất còn thiếu thốn...) từ đó đưa ra hệ thống các giải pháp đối với chính quyền địa phương, người dân và các bên liên quan nhằm quản lý rừng bền vững.

### 1. Mở đầu

Rừng là một thành phần quan trọng của sinh quyển và có ý nghĩa lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội, sinh thái và môi trường. Việt Nam được đánh giá là một trong 10 quốc gia có các hệ sinh thái rừng mang tính đa dạng sinh học quan trọng nhất thế giới. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua tài nguyên rừng của Việt Nam có nhiều biến động. Trong giai đoạn từ năm 1943 - 1995, tỷ lệ che phủ rừng đã giảm từ 43,8% (14,3 triệu ha) vào năm 1943 xuống còn 28,2% (9,3 triệu ha) vào năm 1995 [1]. Chính phủ Việt Nam, thông qua các chương

trình trồng rừng như 327, 661... kết hợp với việc ban hành nhiều chính sách nhằm bảo vệ - phát triển rừng và sự hỗ trợ về tài chính, phương pháp quản lý rừng từ cộng đồng quốc tế, tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc của Việt Nam năm 2018 đã tăng lên 41,65%, trong đó diện tích rừng tự nhiên chiếm 70,77% (10.255.525 ha), diện tích rừng trồng chiếm 29,23% (4.235.770 ha) [4].

Huyện Sơn Dương là một huyện miền núi nằm ở phía Nam của tỉnh Tuyên Quang, cách trung tâm thành phố Tuyên Quang 30km về phía Đông Nam.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 78.795,16 ha, trong đó đất rừng là 40.593,51 ha, chiếm 51,5% tổng diện tích (2019) [5]. Qua đó có thể thấy được vai trò quan trọng của tài nguyên rừng đối với đời sống, kinh tế - xã hội địa phương.

Thấy được tầm quan trọng đó, từ năm 2016 trở lại đây, huyện Sơn Dương là một trong số các huyện được tỉnh Tuyên Quang đặc biệt quan tâm, tăng cường công tác quản lý rừng bền vững, thí điểm hỗ trợ đăng ký xin cấp chứng chỉ rừng FSC (Forest Stewardship Council) tại 3 xã Cấp Tiến, Tú Thịnh, Hợp Thành. Đây là chứng nhận do Hội đồng quản trị rừng uy tín - tổ chức phi chính phủ được thành lập năm 1993 với mục tiêu phát triển và quản lý rừng bền vững trên toàn thế giới [2].

Hiện nay, ở Việt Nam có khoảng 140.000 ha rừng được cấp chứng chỉ rừng FSC [3]. Thực tế cho thấy, việc tăng cường các giải pháp trong công tác quản lý rừng tại địa phương đã mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục. Do đó, những nghiên cứu chuyên sâu về hiện trạng công tác quản lý rừng của địa phương để từ đó có những giải pháp đúng đắn, sát với thực trạng là điều vô cùng cần thiết.

Từ những lý do nêu trên, nội dung báo cáo nhằm đưa ra những đánh giá hiện trạng công tác quản lý rừng trên địa bàn huyện, qua đó đề xuất hệ thống giải pháp quản lý rừng bền vững cho khu vực nghiên cứu.

## 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Công tác quản lý rừng trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Các phương pháp thực hiện bao gồm:

- Phương pháp thu thập, kế thừa các tài liệu số liệu, cụ thể: Kế thừa số liệu về diện tích rừng, bản đồ rừng, kế hoạch, kết quả công tác quản lý rừng của huyện Sơn Dương thông qua các báo cáo chính thức hàng năm của Chi cục kiểm lâm tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, phòng nông nghiệp huyện, hạt

kiểm lâm, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị có liên quan...

- Phương pháp đánh giá nhanh môi trường có sự tham gia của người dân với các kỹ thuật được sử dụng bao gồm:

+ Phỏng vấn các bên liên quan bằng bảng hỏi: Đối tượng phỏng vấn bao gồm cán bộ quản lý nhà nước (đang làm việc tại Ủy ban nhân dân huyện, xã, thôn...), đại diện chủ rừng, các công ty lâm nghiệp trên địa bàn.

Nội dung phỏng vấn tập trung vào các hoạt động quản lý rừng, vai trò và chức năng của rừng, các thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý rừng của địa phương.

+ Phỏng vấn chuyên sâu các đối tượng liên quan đến quản lý - bảo vệ rừng tại huyện Sơn Dương.

Đối tượng phỏng vấn bao gồm: cán bộ hạt kiểm lâm, kiểm lâm địa bàn tại các xã, cán bộ phòng nông nghiệp huyện, cán bộ phụ trách nông lâm nghiệp tại các xã có diện tích rừng sản xuất lớn, các trưởng nhóm bảo vệ rừng... Nội dung phỏng vấn các vấn đề liên quan đến thực trạng quản lý, thuận lợi - khó khăn trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Đối tượng lựa chọn phỏng vấn sâu: sử dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích, những người nắm được thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Hiện trạng công tác quản lý rừng trên địa bàn huyện Sơn Dương

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Sơn Dương là 78.795,2 ha, trong đó đất nông lâm nghiệp có 69.206,4 ha (chiếm 87,83% tổng diện tích tự nhiên) (với trên 40 nghìn ha là diện tích đất lâm nghiệp), đất phi nông nghiệp có 9.169,9 ha (chiếm 11,64% tổng diện tích tự nhiên), đất chưa sử dụng 418,89 ha (chiếm 0,53% tổng diện tích tự nhiên) [6].

**Bảng 1. Biến động diện tích rừng huyện Sơn Dương từ năm 2017-2019**

Năm	Loại rừng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ % che phủ
2017	Đất có rừng	38.751,04	48,95
	+ Rừng tự nhiên	12.927,55	
	+ Rừng trồng	25.643,49	

Năm	Loại rừng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ % che phủ
2018	Đất có rừng	39.402,67	49,8
	+ Rừng tự nhiên	12.927,55	
	+ Rừng trồng	26.324,09	
2019	Đất có rừng	40.593,51	51,5
	+ Rừng tự nhiên	12.926,66	
	+ Rừng trồng	27.666,85	

Nguồn: [6]

Từ số liệu bảng 1 cho thấy, diện tích đất có rừng của huyện Sơn Dương đã tăng lên đáng kể từ năm 2017 - 2019 (tỷ lệ che phủ đã tăng từ 48,95% năm 2017 lên 51,5% năm 2019). Có được điều này là do trong những năm qua, cùng với các chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước (như hỗ trợ giống, hướng dẫn kỹ thuật...), sự vào cuộc tích cực từ các ban ngành và sự vận động của cán bộ kiểm lâm, người dân trên địa bàn huyện Sơn Dương đã nhận thức được rõ hiệu quả kinh tế của việc trồng rừng nên nhiều hộ đã mở rộng diện tích rừng trồng, rất nhiều hộ đã chuyển đổi từ trồng sắn sang trồng keo, vừa mang lại hiệu quả kinh tế, vừa có ý nghĩa trong quản lý rừng bền vững.

Tuy nhiên, qua bảng số liệu nhận thấy, mặc dù qua các năm tổng diện tích rừng của toàn huyện tăng nhưng diện tích rừng tự nhiên có xu hướng giảm nhẹ, cụ thể năm 2019 giảm gần 1 ha so với 2 năm trước đó. Nguyên nhân do việc chuyển đổi một số diện tích đất rừng tự nhiên sang diện tích rừng trồng hoặc phục vụ các hoạt động kinh tế khác. Điều này cũng cần thiết phải được xem xét, đánh

giá sao cho phù hợp tránh ảnh hưởng đến công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững của địa phương.

Căn cứ vào kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng của Hạt kiểm lâm huyện Sơn Dương, diện tích rừng trên địa bàn huyện Sơn Dương được phân chia theo các chủ quản lý gồm: Ban quản lý rừng đặc dụng, các tổ chức kinh tế (Công ty cổ phần, công ty lâm nghiệp...), Ủy ban nhân dân xã, hộ gia đình và cá nhân, các tổ chức khác (viện nghiên cứu, trường đại học...).

Hầu hết diện tích đất có rừng đã được giao cho các chủ rừng quản lý, diện tích rừng được giao quản lý nhiều nhất là cho Ủy ban nhân dân xã tiếp đến là các hộ gia đình, Ban quản lý rừng đặc dụng, các tổ chức kinh tế và giao ít nhất cho các tổ chức khác.

Qua bảng 2 và thực tế điều tra cho thấy hiện nay việc giao rừng cho các hộ gia đình ở 4 tiêu chí đều khá cao (xếp thứ hai chỉ sau Ủy ban nhân dân xã) chiếm 19,24% tổng diện tích đất rừng và lâm nghiệp.

**Bảng 2. Diện tích rừng phân theo chủ quản lý năm 2019 (Đơn vị tính: ha)**

Các tiêu chí	Tổng	BQL rừng đặc dụng	Tổ chức kinh tế	Hộ gia đình, cá nhân	Các tổ chức khác	UBND xã
<b>Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp</b>	<b>43.956,89</b>	<b>6.193,95</b>	<b>4.883,35</b>	<b>8.458,06</b>	<b>128,14</b>	<b>24.293,39</b>
Theo nguồn gốc	40.593,51	6.190,95	4.337,34	7.557,00	128,14	22.380,08
Theo điều kiện lập địa	40.593,51	6.190,95	4.337,34	7.557,00	128,14	22.380,08
Theo loài cây	12.926,66	5.169,69	763,80	162,99	-	6.830,18
Đất chưa thành rừng	7.910,45	43,19	845,74	2.046,66	6,22	4.968,64

Nguồn: [6]

Bên cạnh đó, huyện Sơn Dương còn được lựa chọn thí điểm hỗ trợ đăng ký xin cấp chứng chỉ rừng tại 3 xã Cấp Tiến, Tú Thịnh, Hợp Thành.

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 90 hộ dân tại 3 xã trên cho thấy 70/90 hộ dân được phỏng vấn cho rằng chất lượng và diện tích rừng đã tăng

lên so với trước đây, cụ thể tại: xã Cấp Tiến là: 24/30 người chiếm 80,0%, xã Tú Thịnh là: 21/30 người chiếm 70%, xã Hợp Thành là: 25/30 người chiếm 83,3%. Và chỉ có 20/90 hộ được phỏng vấn cho rằng chất lượng rừng là không thay đổi chiếm

trên 20% cụ thể tại các xã Cấp Tiến là: 6/30 người chiếm 20,0%, xã Tú Thịnh là: 9/30 người chiếm 30,0%, xã Hợp Thành 5/30 người chiếm 16,6% (kết quả nghiên cứu được thể hiện ở bảng 3).

**Bảng 3. Ý kiến đánh giá của người dân về diện tích rừng tại địa bàn nghiên cứu**

Xã	Diện tích rừng	Độ che phủ (%)	Tổng số hộ phỏng vấn	Diện tích và chất lượng rừng			
				Tăng lên		Không thay đổi	
				Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Cấp Tiến	1.223,03	47,7	30	24	80,0	6	20,0
Tú Thịnh	964,84	31,5	30	21	70	9	30,0
Hợp Thành	2.232,05	70,2	30	25	83,3	5	16,6

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu*

Theo điều tra khảo sát cho thấy, trước khi được cấp chứng chỉ rừng các hộ nông dân thường khai thác rừng trồng (keo) ở năm thứ 4 hoặc năm thứ 5, tuy nhiên sau khi được cấp chứng chỉ rừng, các hộ dân nhận thức được rõ lợi ích và định hướng khai thác gỗ ở năm thứ 7 trở đi, giá trị gỗ rừng trồng được cấp chứng chỉ từ đó cũng tăng lên.

### 3.2. Đánh giá chung công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Sơn Dương

Nhóm tác giả sử dụng phân tích SWOT nhằm đánh giá điểm mạnh (Strengths), điểm yếu (Weaknesses), cơ hội (Opportunities), thách thức (Threats) trong công tác quản lý rừng bền vững tại huyện Sơn Dương. Cụ thể:

#### - Điểm mạnh

Huyện Sơn Dương có tổng diện tích lâm nghiệp trên 40 nghìn ha, trong đó rừng trồng trên 27 nghìn ha, chủ yếu là rừng trồng thuần cây keo, chiếm đến trên 80% tổng diện tích. Sản lượng gỗ rừng trồng đạt bình quân từ 70 đến 80 m<sup>3</sup>/ha [6].

Với mục tiêu quản lý rừng bền vững, trong năm 2019 huyện Sơn Dương đã xây dựng kế hoạch và thực hiện cấp chứng chỉ rừng FSC cho 2.000 ha rừng của các hộ gia đình, theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đến nay, đã hoàn thành cấp chứng chỉ rừng FSC tại xã Cấp Tiến và Tú Thịnh với diện tích 1.894,3 ha, trong đó: xã Cấp Tiến 857,54 ha; Tú Thịnh 1.036,76 ha [6]. Sau khi được cấp chứng chỉ rừng FSC giá trị gỗ rừng trồng của nhân dân tăng thêm từ 12-15%, là điều kiện thúc đẩy các hộ tham gia trồng rừng và quản lý rừng bền vững.

Bên cạnh đó, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp chính quyền, chỉ cục kiểm lâm, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể của huyện ủy và cấp ủy chính quyền các xã, thị trấn cũng là tạo nhiều thuận lợi trong hoạt động quản lý rừng bền vững của địa phương. Cụ thể, năm 2019 huyện Sơn Dương đã tuyên truyền, vận động nhân dân trồng mới được 1.390,76 ha rừng sản xuất, khai thác được 1.617,5 ha rừng trồng với sản lượng 129.200 m<sup>3</sup> tăng so với năm 2018 là 168,23 ha tương ứng 47.807,5 m<sup>3</sup> gỗ [5].

#### - Điểm yếu

Theo kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu, năm 2019, Luật lâm nghiệp 2017 (có hiệu lực thi hành bắt đầu từ 1/1/2019) và nhiều văn bản mới được triển khai, dẫn đến địa phương còn bỡ ngỡ, dè dặt trong quá trình thực hiện, cụ thể Luật lâm nghiệp 2017 có nhiều sự thay đổi về cơ chế, chính sách so với Luật lâm nghiệp 2004, nên các đơn vị chủ rừng, các địa phương vẫn còn những bỡ ngỡ nhất định, tạo ra sự dè dặt trong quá trình thực hiện, áp dụng; còn thiếu sự đồng bộ với các quy định của Luật đất đai, Luật đầu tư (như tại điều 14, 15 quy định về giao rừng, cho thuê rừng đồng bộ với giao đất, cho thuê đất, tuy nhiên không xác định việc cho thuê rừng có thông qua đấu giá quyền sử dụng rừng hay không, dẫn đến khó khăn cho địa phương khi triển khai công tác giao rừng, cho thuê rừng).

Địa bàn quản lý rộng, địa hình phức tạp, có nhiều đơn vị hành chính cấp xã và giáp ranh với nhiều địa phương nên khó khăn trong công tác quản lý. Theo kết quả phỏng vấn cán bộ lâm nghiệp huyện Sơn Dương, phong tục, tập quán canh tác

của người dân địa phương còn lạc hậu, một số chủ rừng chưa lập và thực hiện phương án quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định. Năm 2020, huyện đã xử lý 36 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng với số tiền phạt thu được là trên 116 triệu đồng (theo ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương).

Nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý rừng thường xuyên giảm và thiếu. Năm 2020, toàn huyện có 9 công chức kiểm lâm phụ trách địa bàn 28 xã, thị trấn (Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương). Như vậy, một công chức kiểm lâm phải phụ trách địa bàn từ 02 đến 06 xã tùy điều kiện thực tế. Điều này thực sự là một khó khăn trong công tác quản lý rừng của địa phương.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị của kiểm lâm để phục vụ công tác được cấp từ lâu nên không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thậm trí như Trạm Kiểm lâm Tân Bình còn chưa có Trụ sở làm việc.

#### **- Cơ hội**

Một số cơ hội có thể kể đến để tạo điều kiện cho công tác quản lý rừng bền vững của địa phương có thể kể đến như sau:

Sự phát triển của khoa học công nghệ kỹ thuật trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc biệt là công nghệ GIS (hệ thống thông tin địa lý), viễn thám, các phần mềm cập nhật diễn biến rừng nếu được ứng dụng thích hợp sẽ mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của địa phương.

Mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC, thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng sẽ tạo cơ hội mang lại nguồn thu nhập lớn cho người dân. Đây là nguồn thu nhập ổn định giúp nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng.

Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) được ký kết là cơ hội lớn cho việc xuất khẩu gỗ vào EU. Đây là cơ hội gia tăng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm gỗ của địa phương.

#### **- Thách thức**

Đứng trước sự phát triển của Khoa học, công nghệ... đòi hỏi cán bộ lực lượng kiểm lâm cần liên tục nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ chuyên môn để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Để có được nguồn thu nhập có giá trị từ rừng, chất lượng rừng cần phải được cải thiện. Nhận thức pháp luật Lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững của người dân cũng cần được nâng lên.

Từ những đánh giá nêu trên, nhóm nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng bền vững.

### **3.3. Đề xuất một số giải pháp quản lý rừng bền vững trên địa bàn huyện Sơn Dương**

#### **3.3.1. Đối với chính quyền địa phương**

Bổ sung thêm nguồn nhân lực cán bộ kiểm lâm để tăng cường lực lượng phục vụ công tác quản lý rừng của địa phương. Hàng năm mở các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng kiểm lâm nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng. Kiên toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành tới cơ sở về lâm nghiệp, xây dựng lực lượng kiểm lâm đủ mạnh để thực thi hiệu quả công tác quản lý rừng bền vững. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, khắc phục sự chồng chéo, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, khả thi. Gắn mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng với hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm, an sinh xã hội cho người dân địa phương, đồng bào dân tộc miền núi, nhất là cho người dân làm nghề rừng. Đẩy mạnh xã hội hoá, có cơ chế, khuyến khích, tạo thuận lợi cho người dân và các thành phần kinh tế cùng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Xác định rõ công tác quản lý và phát triển rừng là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân cần coi đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được xác định trong các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa

phương phải chịu trách nhiệm chính đối với các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý, hoặc để cho các tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Thiết lập và sử dụng có hiệu quả máy tính chuyên ngành với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp hiện đại, những thông tin về diễn biến rừng được số hóa, chính xác, minh bạch, nhằm đem lại những hiệu quả to lớn cho công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp. Tăng cường nghiệp vụ cho cán bộ kiểm lâm địa bàn trong công tác số hóa bản đồ. Thúc đẩy phát triển thị trường thông qua tìm kiếm các đối tác tiềm năng trong xuất khẩu gỗ có chứng chỉ rừng FSC.

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về công tác quản lý rừng bền vững đến từng thôn bản, thường xuyên nắm bắt, kịp thời ngăn chặn và xử lý các hành vi, vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Xử lý triệt để các nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân; đồng thời xử lý nghiêm minh, công khai, minh bạch các tổ chức, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác thực hiện chứng chỉ rừng.

### 3.3.2. Đối với người dân

Chấp hành tốt các chủ chương, chính sách, quy định của nhà nước về quản lý bảo vệ rừng bền vững thông qua chứng chỉ rừng FSC

Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, chủ động tố giác các đối tượng vi phạm, xâm hại đến tài nguyên rừng.

Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án phát triển rừng, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng rừng nhằm tăng chất lượng sản phẩm rừng từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế từ rừng.

### 3.3.3. Đối với các bên liên quan

Lực lượng Công an, quân đội: Tăng cường phối hợp trong công tác quản lý bảo vệ rừng theo các quy chế phối hợp đã đề ra. Tổ chức điều tra các đối tượng phá rừng, kinh doanh buôn bán lâm sản trái phép đặc biệt phải triển khai các biện pháp kiên quyết trừng trị thích đáng, ngăn chặn triệt để tình trạng chống người thi hành công vụ.

Các tổ chức xã hội: Phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức thực hiện tuyên truyền, vận động, giáo dục bảo vệ rừng theo hướng bền vững đảm bảo 3 khía cạnh: kinh tế - xã hội và môi trường, phát hiện đấu tranh, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, tổ chức phong trào quần chúng tham gia bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

## 4. Kết luận

Với diện tích rừng chiếm tới 51,5% tổng diện tích tự nhiên, tài nguyên rừng có ý nghĩa rất quan trọng đối với người dân trên địa bàn huyện Sơn Dương. Do vậy, quản lý và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Nghiên cứu đã chỉ ra được biến động diện tích rừng giai đoạn 2017-2020, nhận định của người dân về biến động diện tích rừng, đánh giá điểm mạnh – điểm yếu – cơ hội – thách thức trong công tác quản lý rừng bền vững của địa phương để từ đó đề xuất giải pháp hợp lý định hướng phát triển rừng bền vững.

## REFERENCES

- [1] Cu, N. X., Sam, D. D. (2010). *Forest Resources*, Ha Noi national University Publishing House, 93-94.
- [2] Coi, L. K. (2009). Brief description of world forestry and forest certification, and forest certification in Viet Nam. *Proceedings of Workshop on sustainable forest management in environmental protection and rural development*. Ha Noi, 178-185.
- [3] Khanh, D. C. (2019). Process of sustainable forest management and forest certification in Viet Nam. *National workshop on sustainable forest management and forest certification*. Agriculture Publishing House, Ha Noi, 125-132.
- [4] Ministry of Agriculture and Rural Development (2019, b) – Decision No.911/QĐ-BNN-TCLN March 19, 2019 - *Report on current national forest status in 2018 and 2019*, Ha Noi.
- [5] People's Committee of Son Duong District. (2019). *Report on results of socio-economic development, national defense and security in 2018, directions and tasks in 2019*. Tuyen Quang.
- [6] Son Duong District forest protection Department. (2019). *Sustainable forest management and development report 2017, 2018, 2019*. Tuyen Quang.